



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

**NGUYỄN THỊ THANH NGHĨA**

**CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HẠN CHẾ RỦI RO  
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

**CHUYÊN NGÀNH : KINH TẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG  
MÃ SỐ : 60.31.12**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. PHAN THỊ NHI HIẾU**

**Thành phố Hồ Chí Minh – 2007**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan luận văn này là do chính tôi nghiên cứu và thực hiện. Các thông tin và số liệu được sử dụng trong luận văn được trích dẫn đầy đủ nguồn tài liệu tại danh mục tài liệu tham khảo và hoàn toàn trung thực.

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CK	: Chứng khoán
CNH – HĐH	: Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
CP	: Cổ phiếu
CPH	: Cổ phần hóa
CTCK	: Công ty chứng khoán
CTCP	: Công ty cổ phần
DN	: Doanh nghiệp
DNNN	: Doanh nghiệp Nhà nước
ĐTCK	: Đầu tư chứng khoán
EBIT	: Lợi nhuận trước thuế và lãi
EPS	: Thu nhập trên cổ phần
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
HaSTC-Index	: Chỉ số giá cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội
HĐQT	: Hội đồng quản trị
NĐT	: Nhà đầu tư
NĐTNN	: Nhà đầu tư nước ngoài
NHTM	: Ngân hàng thương mại
P/E	: Chỉ số giá trên thu nhập
SGDCK	: Sở giao dịch chứng khoán
TK	: Tài khoản
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP	: Trái phiếu
TTCK	: Thị trường chứng khoán
TTGDCK	: Trung tâm giao dịch chứng khoán
UBCKNN	: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
VN-Index	: Chỉ số giá cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM
WTO	: Tổ chức thương mại thế giới

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 1:</i> Qui mô niêm yết tại TTGDCK TP.HCM .....	24
<i>Bảng 2:</i> Giá trị vốn hóa 10 công ty niêm yết lớn nhất tại TTGDCK TP.HCM	
<i>Bảng 3:</i> Qui mô giao dịch tại TTGDCK TP.HCM qua các năm .....	26
<i>Bảng 4:</i> Qui mô niêm yết tại TTGDCK Hà Nội .....	29
<i>Bảng 5:</i> Giá trị vốn hóa 10 công ty niêm yết lớn nhất tại TTGDCK Hà Nội .....	30
<i>Bảng 6:</i> Qui mô giao dịch tại TTGDCK Hà Nội qua các năm .....	31
<i>Bảng 7:</i> Một số chỉ tiêu lợi nhuận của 10 doanh nghiệp có giá trị vốn hóa lớn nhất thị trường .....	33

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ ĐỒ THỊ

<i>Biểu đồ 1:</i> Số lượng cổ phiếu niêm yết tại TTGDCK TP.HCM qua các năm .....	25
<i>Biểu đồ 2:</i> Tỷ trọng vốn hóa TTCK so với GDP của một số quốc gia trong khu vực trong năm 2006	
<i>Biểu đồ 3:</i> Chỉ số VN-Index qua các năm (2003-2007).....	27
<i>Biểu đồ 4:</i> Số lượng tài khoản giao dịch CK của NĐT qua các năm.....	28
<i>Biểu đồ 5:</i> Chỉ số HaSTC-Index qua các năm (2005-2007) .....	32

# LỜI MỞ ĐẦU

## 1. Sự cần thiết của đề tài

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa, vấn đề lớn nhất đặt lên hàng đầu đó là vấn đề cung ứng vốn cho nền kinh tế. Thị trường chứng khoán chính là giải pháp cho vấn đề này bởi tính ưu việt của nó có thể cung cấp nguồn tài chính cho tăng trưởng kinh tế một cách có hiệu quả hay nói cách khác thị trường chứng khoán là tiền đề thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức.

Việc thành lập thị trường chứng khoán ở Việt Nam là một đòi hỏi tất yếu khách quan của lịch sử, là một yêu cầu trước xu thế hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới và cũng là ý nguyện của toàn Đảng, toàn dân. Trong thời gian qua, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc, được xem là thị trường chứng khoán hấp dẫn nhất năm 2006. Nhưng sự phát triển đó vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Yếu tố “bong bóng” trên thị trường được thể hiện rất rõ. Một điều không cần phải tranh luận là mục đích cuối cùng của nhà đầu tư là lợi nhuận. Tất cả các nhà đầu tư đều mong muốn các khoản vốn của mình sinh lợi cao nhất với độ rủi ro thấp nhất, đây là 2 yếu tố chi phối mọi hoạt động của họ. Vậy làm thế nào hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro do thị trường chứng khoán mang lại để thỏa mãn kỳ vọng của nhà đầu tư một cách tốt nhất, đồng thời thu hút các nhà đầu tư đến với thị trường chứng khoán Việt Nam ngày một sôi động hơn. Chính vì thế, việc đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trên thị trường chứng khoán Việt Nam có ý nghĩa thiết thực và cấp thiết.

## 2. Ý nghĩa khoa học thực tiễn của đề tài

Luận văn đưa ra một số đóng góp chính như sau:

- Hệ thống hóa các lý luận cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các loại rủi ro có khả năng xảy ra khi thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán.
- Điềm qua tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam sau 7 năm xây dựng và phát triển. Đánh giá tình hình hoạt động tại sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM, Hà

Nội và các rủi ro trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm trong đầu tư chứng khoán.

- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là nhận diện và phân tích các yếu tố rủi ro tác động đến nhà đầu tư nhằm đưa ra các giải pháp, kiến nghị giảm thiểu đến mức thấp nhất những rủi ro cho các nhà đầu tư cũng như góp phần nâng cao hiệu quả trong đầu tư chứng khoán.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Các yếu tố rủi ro trong đầu tư cổ phiếu mà nhà đầu tư tổ chức và cá nhân gặp phải khi tham gia vào thị trường chứng khoán tập trung ở Việt Nam. Như vậy, luận văn không đến đề cập đến những rủi ro trong giao dịch cổ phiếu trên thị trường phi tập trung (OTC).

Thời gian nghiên cứu: Phân tích và đánh giá mức độ rủi ro trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn từ tháng 7/2000 đến tháng 7/2007.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Tác giả sử dụng phương pháp phân tích, thống kê mô tả đóng vai trò chủ đạo trong suốt quá trình nghiên cứu luận văn.

### **6. Kết cấu của luận văn**

- Phân mở đầu
- Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán Việt Nam
- Chương 2: Thực trạng hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua
- Chương 3: Các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trên thị trường chứng khoán Việt Nam
- Kết luận